

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-PT.  
Ngày 26 tháng 3 năm 2024.  
Về: “Tranh chấp  
quyền sử dụng đất và tài sản trên đất”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý My;  
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thủy và ông Nguyễn Văn Quế.  
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLPT - DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/QĐPT - DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nông Văn B, sinh năm 1964;

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa).

**Bị đơn:** Ông Hà Văn G, tên khác: Hà Văn P, sinh năm 1969;

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Bà Nông Thị L, sinh năm 1964, ( Có mặt ).

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

Ủy quyền cho ông Nông Văn B;

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt ).

-Bà Nông Thị H, sinh năm 1969;

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt ).

-Anh Nông Văn B1, sinh năm 1985, ( Có mặt ).

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

-Chị Nông Thị T, sinh năm 1988;

Cư trú: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt).

-Chị Nông Thị T1, sinh năm 1990;

Cư trú: Xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt).

-Anh Hà Văn T2, sinh năm 1988;

Cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

( Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:***

- Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1959.

Luật sư- Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Triệu Quốc B2, sinh năm 1959.

Luật sư- Văn phòng luật sư Quyết T3.

Cư trú: Tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; ( Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị L trình bày:* Năm 1997 gia đình ông được UBND huyện V giao đất, giao rừng với diện tích 15,5 ha, loại đất Lâm nghiệp để sản xuất. Bao gồm: lô 4, khoảnh 6, tiểu khu C có diện tích 7,5 ha; Lô 3 khoảnh 2, tiểu khu C có diện tích 8 ha. Năm 1998 toàn bộ diện tích này gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nông Văn B, thời hạn sử dụng đến tháng 01/2047. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L906416, cấp ngày 12/02/1998. Năm 2007 ông Hà Văn G tự ý phát dọn rồi trồng cây mỡ lên phần đất của ông. Sau khi đo đạc thẩm định xác định được phần đất hiện nay đang xảy ra tranh chấp với ông G có diện tích 12.183,5 m<sup>2</sup>. Ngày 10/8/2023 và tại phiên tòa ông Nông Văn B rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giải quyết buộc ông Hà Văn G phải khai thác, thu hoạch 1613 cây Mỡ và trả lại 9.719,86 m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc lô 4 khoảnh 6 tiểu khu C gia đình nhà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông.

*Bị đơn ông Hà Văn G trình bày về nguồn gốc khu đất tranh chấp:* Năm 1996 ông làm đơn xin nhận đất Lâm nghiệp để quản lý sử dụng. Ngày 20/01/1997 gia đình ông được UBND huyện V có quyết định giao đất Lâm nghiệp gồm các

lô thừa sau: Lô 05 khoảnh 6, tiểu khu C có diện tích 2,5 ha; Ngày 12/2/1998 gia đình ông được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông. Đến năm 2001 gia đình nhà ông phát bãi trồng cây Chè, cây Mỡ trên phần diện tích thuộc lô 5 khoảnh 6 tiểu khu C diện tích 2,5 ha. Nay ông Nông Văn B yêu cầu ông phải khai thác thu hoạch toàn bộ cây hiện nay đang được trồng trên đất đang xảy ra tranh chấp, để trả lại ông B phần đất thì ông không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại bản tự khai bà Nông Thị H trình bày Về nguồn gốc khu đất tranh chấp: Năm 1996 chồng bà là ông Hà Văn G làm đơn xin nhận đất Lâm nghiệp để quản lý sử dụng. Ngày 20/01/1997 ông G được UBND huyện V có quyết định giao đất Lâm nghiệp gồm các lô thừa sau: Lô 05 có diện tích 2,5 ha; Lô 9 có diện tích 2,85 ha; Lô 5 có diện tích 4,6 ha. Ngày 12/2/1998 ông G được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2001 gia đình nhà bà phát bãi trồng cây Chè, cây Mỡ trên phần diện tích thuộc lô 5 khoảnh 6 tiểu khu C diện tích 2,5 ha. Nay ông Nông Văn B yêu cầu ông G phải khai thác, di dời toàn bộ cây hiện nay đang được trồng trên đất đang xảy ra tranh chấp, để trả lại ông B phần đất này thì bà không đồng ý.

- Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nông Văn B1; chị Nông Thị T; chị Nông Thị T1 trình bày về nguồn gốc khu đất tranh chấp: Các anh chị đều là con của ông Nông Văn B, năm 1996 thì bố mẹ các anh chị được UBND huyện Võ Nhai giao đất giao rừng, năm 1998 thì được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay xảy ra tranh chấp với nhà ông Hà Văn G các anh, chị không có ý kiến gì toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông Nông Văn B quyết định.

- Tại bản tự khai của anh Hà Văn T2 trình bày về nguồn gốc khu đất tranh chấp: Anh là con của ông Hà Văn G, năm 1996 bố anh được UBND huyện Võ Nhai giao đất, giao rừng, năm 1998 bố anh được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay xảy ra tranh chấp giữa bố anh và ông Nông Văn B anh không có ý kiến gì, toàn bộ diện tích tranh chấp do bố ông là ông Hà Văn G quyết định.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S ; Ông Triệu Quốc B2 trình bày:* Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn B3 và buộc ông Hà Văn G khai thác thu hoạch 1613 cây Mỡ và trả lại 9.719,86 m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc lô 4 khoảnh 6 tiểu khu C cho ông

Nông Văn B, ngày 12/2/1998 ông Nông Văn B đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; 157; 158; Điều 165; Điều 244, 266, 271, khoản 1 Điều 273; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn B về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Hà Văn G.

2. Buộc ông Hà Văn G phải khai thác di dời 1613 cây M và trả lại cho ông Nông Văn B diện tích 9.719,86 m<sup>2</sup> đất nằm trong tổng 75000m<sup>2</sup> thuộc lô 4 khoảnh 6 tiểu khu C bản đồ giao đất giao rừng xã S vẽ năm 1996,1997,1998 đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn B số GCN QSD đất L 906416, số vào sổ cấp GCN 00101 cấp ngày 12/02/1998.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện 2.643,7m<sup>2</sup> diện tích đất gia đình ông Hà Văn G đang chồng cây Chè.

( Toàn bộ có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Về án phí: Ông Hà Văn G phải chịu 5.832.000 (Năm triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho ông Nông Văn B 300.000 đồng ( ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0004934 ngày 24/5/2022.

Về chi phí tố tụng: Ông Nông Văn B tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản ( Tòa án đã thu và chi hết).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Ngày 25/9/2023 ông Hà Văn G nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát thấy rằng: Tại phiên tòa các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự:

- Đối với diện tích đất 7.064,4 m<sup>2</sup>: Cắt từ điểm 14 đến điểm 22, ông G được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 22, 23, 24, 25, 14.

Ông B được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 15, 20, 21, 22, 14.

- Đối với diện tích đất 2.655,4 m<sup>2</sup> có các mốc giới 4, 5, 30, 29, 28, 27, 26, 4 ông B được quyền sử dụng.

Việc khai thác cây mỡ trên phần đất của ông B, phía ông G có trách nhiệm khai thác xong trước 31/12/2024 dương lịch.

( theo sơ đồ đo vẽ tháng 8/2022 của công ty TNHH H2).

Miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn G, do là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, bị đơn là ông Hà Văn G có nơi cư trú: Xóm N, xã S, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai là đúng.

- Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bị đơn có đơn kháng cáo trong hạn và nộp tạm ứng án phí nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn B khởi kiện ông Hà Văn G về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, ông B xác định năm 1997 gia đình ông được UBND huyện V giao đất thuộc lô 4, khoảnh 6, tiểu khu C có diện tích 7,5 ha; Năm 1998 ông được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nông Văn B, thời hạn sử dụng đến tháng 01/2047. Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số L906416, cấp ngày 12/02/1998. Đến năm 2007 ông Hà Văn G tự ý phát dọn rồi trồng cây mỡ lên phần đất của gia đình ông.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với đất, tài sản trên đất và Công Văn số 2081/UBND-TNMT ngày 31/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V xác định: Phần diện tích đất đang xảy ra tranh chấp giữa ông Nông Văn B với ông Hà Văn G có tổng diện tích là 12.183,5 m<sup>2</sup>. Ngày 10/8/2023 và tại phiên tòa ông Nông Văn B rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích 2.643,7m<sup>2</sup> đất ông Hà Văn G trồng cây chè.

Nay ông B chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giải quyết buộc ông Hà Văn G phải khai thác, thu hoạch 1613 cây Mỡ và trả lại 9.719,86 m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc lô 4 khoảnh 6 tiểu khu C gia đình nhà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nông Văn B thuộc thửa số 04, khoảnh 6, tiểu khu C, năm 1997 UBND huyện V đã có quyết định giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ông Nông Văn B, đến năm 1998 UBND huyện Võ nhai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nông Văn B tổng diện tích 75.000 m<sup>2</sup>. Quá trình thẩm định xác định diện tích đất tranh chấp là 9.719,86 m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 7,5ha thuộc thửa số 4 khoảnh 6 tiểu khu 315 ông Nông Văn B đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị diện tích 9.719,86 m<sup>2</sup> đất là 116.638.000 đồng; Trên đất có 1613 cây mỡ, đường kính gốc trung bình từ 05 cm đến 10 cm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn B là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án:

- Đối với diện tích đất 7.064,4 m<sup>2</sup>: Cắt từ điểm 14 đến điểm 22, ông G được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 22, 23, 24, 25, 14.

Ông B được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 15, 20, 21, 22, 14. Việc khai thác cây mỡ trên phần đất của ông B nêu trên, phía ông G có trách nhiệm khai thác xong trước 31/12/2024 dương lịch.

- Đối với diện tích đất 2.655,4 m<sup>2</sup> có các mốc giới 4, 5, 30, 29, 28, 27, 26, 4 ông B được quyền sử dụng. Việc khai thác cây mỡ trên phần đất của ông B nêu trên, phía ông G có trách nhiệm khai thác xong trước 31/12/2024 dương lịch.

( Theo sơ đồ đo vẽ tháng 8/2022 của công ty TNHH H2).

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại biên động quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn B khởi kiện tranh chấp 2.463,7m<sup>2</sup> với ông Hà Văn G đối với phần diện tích đất đang trồng cây Chè có các mốc giới theo sơ đồ đo vẽ tháng 8/2022 của công ty TNHH H2: 14, 25, 12, 13, 14.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Văn B tự nguyện chịu số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. (đã thu và chi hết tại Tòa án cấp sơ thẩm, không yêu cầu giải quyết tiếp).

[6] Về án phí: Miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm cho ông G, do là người sinh sống tại xã vùng cao, đặc biệt khó khăn. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H1 lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004934 ngày 24/5/2022 của chi cục Thi hành án huyện Võ Nhai.

- Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo luật thi hành án dân sự.

- Ngoài ra, trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm bị nhầm lẫn tại biên bản nghị án và tại bản án sơ thẩm số 12 đối với phần diện tích đất tranh chấp do bên ông G đang trồng chè đã thể hiện là “ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện 2.643,7 m2...”, do đó cần sửa lại cho đúng là “ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện 2.463,7 m2...”.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 244, Điều 300, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 307 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Hà Văn G, sửa bản án số 12/2023/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, cụ thể như sau:

- Đối với diện tích đất 7.064,4 m<sup>2</sup>: Cắt từ điểm 14 đến điểm 22, ông Hà Văn G được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 22, 23, 24, 25, 14 có diện tích 2.677, 5 m<sup>2</sup>.

Cắt từ điểm 14 đến điểm 22, ông Nông Văn B được quyền sử dụng theo các mốc giới 14, 15, 20, 21, 22, 14 có diện tích 4.386, 9 m<sup>2</sup>.

Việc khai thác cây mỡ trên phần đất của ông B nêu trên, phía ông G có trách nhiệm khai thác xong trước 31/12/2024 dương lịch.

- Đối với diện tích đất 2.655,4 m<sup>2</sup> có các mốc giới 4, 5, 30, 29, 28, 27, 26, 4 ông B được quyền sử dụng. Việc khai thác cây mỡ trên phần đất của ông B nêu trên, phía ông G có trách nhiệm khai thác xong trước 31/12/2024 dương lịch.

(Kèm theo sơ đồ đo vẽ tháng 8/2022 của công ty TNHH H2).

2. Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại biên động quyền sử dụng đất nêu trên.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nông Văn B khởi kiện tranh chấp 2.463,7m<sup>2</sup> với ông Hà Văn G đối với phần diện tích đất đang trồng cây Chè có các mốc giới theo sơ đồ đo vẽ tháng 8/2022 của công ty TNHH H2: 14, 25, 12, 13, 14.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nông Văn B tự nguyện chịu số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. (đã thu và chi hết tại Tòa án cấp sơ thẩm, không yêu cầu giải quyết tiếp).

5. Về án phí: Miễn án phí án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn G. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H1 lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nông Văn B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004934 ngày 24/5/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [HYPERLINK "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/luat-thi-hanh-an-dan-su-2008-26-2008-gh12-82197.aspx"](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/luat-thi-hanh-an-dan-su-2008-26-2008-gh12-82197.aspx) \t "\_blank" Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Quý My**